

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 18/4/2022

Về việc: “*Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hòa

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 129/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **LHT**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp VT, xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: Chị **CTM**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp TB, xã TG, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên

đơn anh LHT trình bày như sau:

Anh và chị M tự tìm hiểu và quen biết đi đến chung sống với nhau năm 2006, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống với nhau, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 7 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ cuối năm 2019 tới nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nhận thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với chị M. Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 01 con chung tên CĐK, sinh ngày 26/12/2009. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị M được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Do anh T bận công việc nên không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa được. Vì vậy, anh T có đơn xin vắng mặt và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt anh.

* Lời khai của bị đơn chị CTM trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Chị thống nhất theo lời trình bày của anh T. Chị đồng ý chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh T. Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 01 con chung tên CĐK, sinh ngày 26/12/2009. Chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa khi vụ án được đưa ra xét xử.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 9, 14, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông LHT và chị CTM. Về con chung: Giao cháu CĐK, sinh ngày 26/12/2009 cho chị M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không có. Anh T yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Anh LHT (là nguyên đơn trong vụ án) và chị CTM (là bị đơn trong vụ án) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T và chị M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh T và chị M chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng đến nay vẫn không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay do mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị M. Do hôn nhân giữa anh T và chị M vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn trong hôn nhân mà căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị M.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, giữa anh T và chị M có 01 con chung tên CĐK, sinh ngày 26/12/2009.

Xét thấy, thời gian ly thân, cháu K được chị M chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, phát triển bình thường và cháu K cũng có nguyện vọng được sống với chị M. Anh T cũng đồng ý giao cháu K cho chị M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu K theo khoản 1, khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX thấy cần giao cháu K cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Chị M phải tạo điều kiện cho anh T được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị M không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

* Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh LHT và chị CTM.

* Về con chung: Giao cháu CĐK, sinh ngày 26/12/2009 cho chị M được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị M không có yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

* Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị M trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về án phí sơ thẩm: Anh LHT phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008977 ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Chị CTM không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh T và chị M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Vân